

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-8-2022.

“V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Sơn Thanh Bình.

2/ Ông Nguyễn Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp RR, xã MTH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Hồng Thị Thu L (Hồng Thu L), sinh năm 1971. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp RR, xã MTH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 26/5/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông và bà Hồng Thị Thu L tổ chức lễ cưới năm 1989 và tự nguyện chung sống như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới nhau, ông bà chung sống tại ấp RR, xã MTH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng ông sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn

dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, mâu thuẫn không ai biết, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, ông bà không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Cẩm Th, sinh ngày 21/02/1993 và Huỳnh Nh, sinh năm 1998, hiện nay đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn H yêu cầu không công nhận ông và bà Hồng Thị Thu L là vợ chồng.

+ Về con chung: Do các con chung của ông bà đều đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- **Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/8/2022 bà Hồng Thị Thu L trình bày:** Trước đây trong giấy tờ bà ghi tên Hồng Thu L, nhưng sau khi cấp căn cước công dân thì ghi tên bà là Hồng Thị Thu L, hiện nay giấy tờ của bà đều ghi tên là Hồng Thị Thu L. Bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ mà ông Huỳnh Văn H cung cấp kèm theo đơn khởi kiện của ông H. Nay ông H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà và ông H là vợ chồng thì bà đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà thống nhất với lời trình bày của ông H ghi trong đơn khởi kiện và bà không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và bị đơn bà Hồng Thị Thu L. Tuy nhiên, ông H và bà L đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Huỳnh Văn H và bà Hồng Thị Thu L thống nhất cho rằng vào năm 1989 ông H và bà L được hai gia đình tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, mặc dù ông H và bà L chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện nhưng quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thì ông H và bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay đã gần 12 năm. Nay ông H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà L thì bà L cũng đồng ý theo yêu cầu của ông H từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai người không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn H về việc không công nhận vợ chồng với bà Hồng Thị Thu L.

[3]. Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn H và bà Hồng Thị Thu L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005151 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Huỳnh Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

